

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 904/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT		Ngày/ Date: 15/05/2025 Trang/ Page: 1/2
1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI Số 01 KP1, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.		
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of inspecting:	Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện - ETSC		
3. Đối tượng kiểm tra: Type of inspecting:	Sào thao tác cao thế/ High voltage insulation pole		
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 thiết bị/ 01 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site		
5. Phương pháp kiểm tra: Method of inspecting:	ETSC/KĐ/QT-06; TCVN 8096-200: 2010; TCVN 6615-1: 2009; QCVN QTD-5: 2009/BCT; TCVN 5587:1991; Tài liệu kỹ thuật NSX		
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	15/05/2025		
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type:	VTT -1/5	
	Số chế tạo / Seri No	Không rõ/ NA	
	Điện áp sử dụng/ AC. Use voltage:	Không rõ/ NA	
	Chiều dài/ Length:	6.000mm	
	Đường kính/ Diameter:	29,4/33/37/41/45mm	
	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	Không rõ/ NA	
	Nhà sản xuất/ Manufacture:	Ritz – Brazil	
8. Phương tiện kiểm tra: Inspecting equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.		
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH		
10. Kết quả kiểm tra: Inspecting result:	Xem trang sau See next page		
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	540/25/ETSC		
12. Kết luận Conclusion	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations		
13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 05/2026 Recommended next testing period:			
Người Thực Hiện Executor Nguyễn Đức Tiến Luyện		GIÁM ĐỐC Director Nguyễn Quốc Hoàn 	





Số/ No: 904/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 15/05/2025 Trang/ Page: 2/2
--------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition: Bình thường/ Normal

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ Length	mm	6.000	6.000
2	Đường kính/ Diameter	mm	29,4/33/37/41/45	29,4/33/37/41/45

10.3 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ Before trying so high (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ After trying so high (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha A-Vỏ (Case), thử tần số 50Hz	> 50.000	> 50.000	Đạt/ Pass

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase A-Vỏ (Case), thử tần số 50Hz	100kV/30cm	5	Chịu được/ Pass	Không phóng điện/ No discharge inspection